

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý II	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.764.676.912.776	2.257.872.353.385
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	146.221.378.904	55.948.393.128
1. Tiền	111		132.371.378.904	55.798.393.128
2. Các khoản tương đương tiền	112		13.850.000.000	150.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.843.183.400	3.975.170.700
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	10.719.359.414	10.466.929.414
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.876.176.014)	(6.491.758.714)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		438.697.980.128	439.461.939.385
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	231.175.327.351	285.557.558.762
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	149.692.951.861	125.552.021.992
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	58.559.125.933	29.081.783.648
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(729.425.017)	(729.425.017)
IV. Hàng tồn kho	140		1.152.381.770.593	1.657.503.212.762
1. Hàng tồn kho	141	V.6	1.152.381.770.593	1.657.503.212.762
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		23.532.599.751	100.983.637.410
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.019.196.903	8.771.849.839
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		6.606.917.929	91.267.326.400
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		8.214.144.586	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.692.340.333	944.461.171

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1
Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q1, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	<u>Số cuối quý II</u>	<u>Số đầu năm</u>
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		10.475.037.669.292	9.555.112.841.882
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		10.223.941.005.490	9.293.782.355.797
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	7.627.510.223.827	7.846.372.418.718
<i>Nguyên giá</i>	222		9.786.135.676.989	9.780.971.239.853
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(2.158.625.453.162)	(1.934.598.821.135)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	115.780.022.470	116.674.154.086
<i>Nguyên giá</i>	228		124.568.483.498	124.440.483.498
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(8.788.461.028)	(7.766.329.412)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	2.480.650.759.193	1.330.735.782.993
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		44.870.000.000	48.370.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	56.000.000.000	56.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(11.130.000.000)	(7.630.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		206.226.663.802	212.960.486.085
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	201.733.287.051	210.040.259.091
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		4.493.376.751	2.920.226.994
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		<u>12.239.714.582.068</u>	<u>11.812.985.195.267</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bùn Chương Dương, P. Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý II	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		10.817.439.496.078	9.985.558.373.271
I. Nợ ngắn hạn	310		3.168.624.311.387	3.189.304.299.025
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	1.416.862.652.987	1.838.794.821.582
2. Phải trả người bán	312	V.13	1.222.430.818.010	1.138.137.046.398
3. Người mua trả tiền trước	313		50.984.028.105	4.338.121.643
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	5.786.738.901	20.628.957.925
5. Phải trả người lao động	315		36.401.047.797	27.971.361.706
6. Chi phí phải trả	316		196.209.209.268	112.076.944.528
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	239.949.816.319	47.357.045.243
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		7.648.815.184.691	6.796.254.074.246
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	7.648.815.184.691	6.796.254.074.246
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.422.275.085.989	1.827.426.821.996
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.422.275.085.989	1.827.426.821.996
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.980.000.000.000	1.980.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		70.790.410.045	70.790.410.045
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		5.517.214.120	5.517.214.120
4. Cổ phiếu quỹ	414		(902.752.100)	(902.752.100)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(776.689.351.311)	(472.130.953.346)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		105.805.460.604	97.063.215.208
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		37.186.381.320	31.401.970.440
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		567.723.311	115.687.717.629
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		-	-
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		12.239.714.582.068	11.812.985.195.267

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bên Chương Dương, P. Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối quý II	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		42.887.708	42.887.708
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		190.991.779	190.991.779
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		3.285,01	1.757,0
Euro (EUR)		1.289,66	1.279,8
Dollar HongKong (HKD)		-	-
Yên Nhật (¥)		-	-
Dollar Úc (AUD)		-	-
Bảng Anh (£)		-	-
Dollar Canada (CAD)		-	-
...		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP.HCM, ngày 25 tháng 07 năm 2011


Trương Thị Thu Hương
Người lập biểu

Lê Thị Phương Dung
PT phòng tài chính kế toán**Võ Văn Vân**
Người công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, P. Cầu Kho, Q1, TP.HCM


BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý II năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.579.864.170.653	1.216.888.522.607	2.864.594.153.237	1.881.802.064.363
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	95.085.883.605	18.395.493.900	174.634.086.375	39.544.932.300
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.484.778.287.048	1.198.493.028.707	2.689.960.066.862	1.842.257.132.063
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.047.290.468.915	963.941.713.329	1.962.114.829.773	1.527.651.479.973
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		437.487.818.133	234.551.315.378	727.845.237.089	314.605.652.090
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.078.888.383	55.146.817.456	8.684.554.942	61.461.366.914
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	249.227.403.053	87.621.568.513	489.660.416.502	110.137.422.290
Trong đó: chi phí lãi vay	23		193.145.682.766	77.939.059.225	395.199.329.749	94.063.007.446
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	98.499.481.723	39.658.396.217	178.172.954.804	60.852.968.814
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	34.805.484.130	54.470.506.466	68.479.097.599	72.601.305.965
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		60.034.337.610	107.947.661.638	217.323.126	132.475.321.935
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.897.025.741	804.394.394	11.110.201.600	837.223.998
12. Chi phí khác	32		10.299.030.878	3.267.884.027	10.759.301.418	4.066.885.256
13. Lợi nhuận khác	40		(3.402.005.137)	(2.463.489.633)	350.900.182	(3.229.661.258)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		56.632.332.472	105.484.172.005	568.223.307	129.245.660.677
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	142.055.827	23.015.808.461	142.055.827	26.898.520.123
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(2.568.466.000)	-	(2.568.466.000)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>56.490.276.646</u>	<u>85.036.829.544</u>	<u>426.167.481</u>	<u>104.915.606.554</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	618	-	762

TP.HCM, ngày 25 tháng 07 năm 2011


Trương Thị Thu Hương
Người lập biểu


Lê Thị Phương Dung
PT phòng tài chính kế toán



 Võ Văn Vân
 Người Công Bố Thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bên Chương Dương, P. Cầu Kho, Q1, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

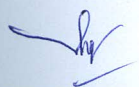
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý II/2011	Quý II/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		568.223.307	105.484.172.005
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		225.048.763.642	67.498.919.496
- Các khoản dự phòng	03		3.884.417.300	(728.365.400)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			(47.853.718.337)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.791.087.580)	712.934.798
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	395.199.329.749	77.939.059.225
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		618.909.646.419	203.053.001.787
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		74.889.194.223	(142.625.212.391)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		505.121.442.169	(180.543.222.937)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		248.706.295.606	84.173.372.105
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		10.059.624.976	(7.709.876.691)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(335.878.082.490)	(178.133.515.449)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.315.175.681)	(3.034.976.437)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			318.353.355.913
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(552.374.866)	(7.000.234.144)
- Chênh lệch tỉ giá trong giai đoạn đầu tư	17		(304.558.397.965)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		809.382.172.391	86.532.691.756
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.155.207.413.335)	(337.587.834.120)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(252.430.000)	(23.400.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26			1.917.192.261
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.791.087.580	4.575.475.551
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.149.668.755.755)	(331.118.566.308)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Quý II/2011	Quý II/2010
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31			
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		2.408.579.913.335	1.221.533.254.681
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.977.950.971.485)	(1.034.550.550.263)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(68.176.000)	(73.286.008.700)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		430.560.765.850	113.696.695.718
Lưu chuyển tiền thuần trong quý	50		90.274.182.486	(130.889.178.834)
Tiền và tương đương tiền đầu quý	60	V.1	55.948.393.128	158.213.544.035
Tiền và tương đương tiền tăng do sáp nhập				58.162.642.666
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(1.196.710)	(875.259.311)
Tiền và tương đương tiền cuối quý	70	V.1	146.221.378.904	84.611.748.556

TP.HCM, ngày 25 tháng 07 năm 2011



Trương Thị Thu Hương
 Người lập biểu



Lê Thị Phương Dung
 PT phòng tài chính kế toán



Võ Văn Vân
 Người công bố thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến.
- Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, mua bán xi măng, các sản phẩm từ xi măng, thạch cao, vật liệu xây dựng (gạch, ngói, vữa xây tô, bê tông), clinker, nguyên vật liệu, vật tư ngành xây dựng; Xây dựng dân dụng; Kinh doanh bất động sản (cao ốc văn phòng cho thuê). Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Sản phẩm dở dang được tính cho nguyên vật liệu chính bao gồm clinker, thạch cao, đá vôi và đá mu rùa theo định mức cấu thành trong thành phẩm của từng dây chuyền sản xuất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Giá trị tài sản được chuyển giao từ Doanh nghiệp Nhà nước được ghi nhận theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 27 tháng 9 năm 2006 của Công ty Kiểm toán Việt Nam và kết quả đánh giá lại tài sản của Công ty được Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 1401/QĐ-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về xác định giá trị Doanh nghiệp để cổ phần hóa, Quyết định số 960/QĐ-BXD ngày 03 tháng 7 năm 2007 về giá trị thực tế phần vốn Nhà nước tại thời điểm bàn giao 18 tháng 01 năm 2007 từ doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30
Máy móc và thiết bị	4 – 25

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

6 - 17

Thiết bị, dụng cụ quản lý

3 - 8

6. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất bao gồm:

- Giá trị chuyển nhượng và đánh giá lại của 20 ha đất tại Phước Cơ, TP. Vũng Tàu và đất tại 360 Bến Chương Dương, quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Quyền sử dụng đất này không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao 2 - 4 năm.

Chi phí khác

Bản quyền, bằng sáng chế là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa bản quyền, bằng sáng chế vào sử dụng. Bản quyền, bằng sáng chế được khấu hao trong 3 năm.

7. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

8. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

9. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Giá trị thương hiệu

Giá trị thương hiệu của Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 (trước sáp nhập) được xác định bởi Công ty kiểm toán Ernst & Young theo Báo cáo định giá ngày 25 tháng 6 năm 2006 và được định

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

giá lại theo Quyết định số 1401/QĐ-BXD ngày 10 tháng 10 năm 2006 của Bộ Xây dựng về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu được phân bổ trong 30 năm.

Giá trị thương hiệu của Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 (trước sáp nhập) được xác định bởi Công ty TNHH tư vấn tài chính kế toán và kiểm toán (AASC) và được thông qua Quyết định số 865/QĐ-BXD ngày 11 tháng 6 năm 2007 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa của Công ty xi măng Hà Tiên 2 bao gồm cả giá trị lợi thế của doanh nghiệp. Giá trị thương hiệu này được phân bổ trong thời gian 10 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí tư vấn sáp nhập

Chi phí tư vấn phát sinh trong quá trình sáp nhập Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 2 vào Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 được phân bổ trong 3 năm.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

13. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hồi đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

Khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ của Dự án Nhà máy xi măng Bình Phước trong quá trình thực hiện dự án được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán cho đến khi hoàn thành đầu tư xây dựng dự án và được phân bổ vào thu nhập hoặc chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian tối đa 5 năm kể từ khi dự án hoàn thành đi vào sản xuất theo Công văn chấp thuận số 9636/BTC-TCĐN ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 30/06/2011 : 20.618 VND/USD
: 29.942 VND/EUR

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tiền mặt	380.273.982	256.379.452
Tiền gửi ngân hàng	131.991.104.922	55.542.013.676
Tiền đang chuyển, các khoản tương đương tiền	13.850.000.000	150.000.000
Cộng	<u>146.221.378.904</u>	<u>55.948.393.128</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu kỳ</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn:				
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	101.738	7.632.180.000	76.495	7.379.750.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	-	-	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn	10.000	831.660.000	10.000	831.660.000
- Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí	11.200	1.066.128.000	11.200	1.066.128.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco	4.030	249.030.880	4.030	249.030.880
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín	24.831	865.867.534	24.831	865.867.534
- Công ty Cổ phần Chế biến hàng xuất khẩu Long An	4.160	69.993.000	4.160	69.993.000
- Công ty Cổ phần Sông Đà 909	1.050	4.500.000	1.050	4.500.000
Cộng		<u>10.719.359.414</u>		<u>10.466.929.414</u>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại Thương: tăng do mua 25.243 cổ phiếu theo giá phát hành 10.000 đồng

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Số đầu năm	(6.491.758.714)
Trích lập trong kỳ	(384.417.300)
Cộng	<u>(6.876.176.014)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Các khách hàng mua xi măng	184.803.185.250	239.177.543.963
Các khách hàng mua gạch, cát, vữa	1.080.193.984	2.125.997.378
Các khách hàng khác	45.291.948.117	44.254.017.421
Cộng	<u>231.175.327.351</u>	<u>285.557.558.762</u>

5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
LD Trí Việt Thành & Licogi 16	9.255.848.328	9.573.848.831
Liên doanh TVT & Công ty Xây dựng & sản xuất vật liệu xây dựng	39.209.938.268	44.274.564.758
Các nhà cung cấp khác	101.227.165.265	71.703.608.403
Cộng	<u>149.692.951.861</u>	<u>125.552.021.992</u>

6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Thuế GTGT nhập khẩu chưa kê khai khấu trừ	12.480.324.121	8.248.164.355
Các khoản phải thu khác	46.078.801.812	20.833.619.293
Cộng	<u>58.559.125.933</u>	<u>29.081.783.648</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Hàng mua đang đi trên đường	49.028.712.417	81.335.419.282
Nguyên liệu, vật liệu	927.071.204.087	1.396.769.886.833
Công cụ, dụng cụ	1.159.219.119	1.129.367.888
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	65.669.867.470	115.491.153.533
Thành phẩm	109.452.767.500	62.777.385.226
Cộng	<u>1.152.381.770.593</u>	<u>1.657.503.212.762</u>

8. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Thuế TNDN	7.948.153.570	
Thuế TNCN	265.991.016	
Cộng	<u>8.214.144.586</u>	

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	1.258.845.677.768	8.319.498.196.720	169.984.819.786	31.870.951.182	771.594.397	9.780.971.239.853
Tăng trong kỳ	1.801.860.477.128	441.272.501	4.267.828.000	438.273.909	-	1.807.007.851.538
Mua sắm mới		441.272.501	4.267.828.000	438.273.909		5.147.374.410
Đầu tư XD CB hoàn thành	17.062.726					17.062.726
Phân Loại lại	1.801.843.414.402					1.801.843.414.402
Giảm trong kỳ	-	1.801.843.414.402	-	-	-	1.801.843.414.402
Phân Loại lại		1.801.843.414.402				1.801.843.414.402
Số cuối kỳ	3.060.706.154.896	6.518.096.054.819	174.252.647.786	32.309.225.091	771.594.397	9.786.135.676.989
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	502.796.079.140	1.307.059.206.347	103.658.662.086	20.707.177.165	377.696.397	1.934.598.821.135
Tăng trong kỳ	61.003.579.511	175.574.607.479	5.358.783.752	1.523.670.441	24.618.624	243.485.259.807
Khấu hao trong kỳ	41.544.951.731	175.574.607.479	5.358.783.752	1.523.670.441	24.618.624	224.026.632.027
Phân Loại lại	19.458.627.780					19.458.627.780
Giảm trong kỳ	-	19.458.627.780	-	-	-	19.458.627.780
Phân Loại lại		19.458.627.780				19.458.627.780
Số cuối kỳ	563.799.658.651	1.463.175.186.046	109.017.445.838	22.230.847.606	402.315.021	2.158.625.453.162
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	756.049.598.628	7.012.438.990.373	66.326.157.700	11.163.774.017	393.898.000	7.846.372.418.718
Số cuối năm	2.496.906.496.245	5.054.920.868.773	65.235.201.948	10.078.377.485	369.279.376	7.627.510.223.827

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	116.847.509.370	3.572.888.740	4.020.085.388	124.440.483.498
Tăng trong kỳ		128.000.000		128.000.000
Giảm trong kỳ				-
Số cuối kỳ	116.847.509.370	3.700.888.740	4.020.085.388	124.568.483.498
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	2.759.121.360	3.252.161.591	1.755.046.461	7.766.329.412
Tăng trong kỳ	727.209.600	71.660.414	223.261.602	1.022.131.616
Khấu hao trong kỳ	727.209.600	71.660.414	223.261.602	1.022.131.616

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Bản quyền	Cộng
Số cuối kỳ	<u>3.486.330.960</u>	<u>3.323.822.005</u>	<u>1.978.308.063</u>	<u>8.788.461.028</u>
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	<u>114.088.388.010</u>	<u>320.727.149</u>	<u>2.265.038.927</u>	<u>116.674.154.086</u>
Số cuối năm	<u>113.361.178.410</u>	<u>377.066.735</u>	<u>2.041.777.325</u>	<u>115.780.022.470</u>

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Chi phí xây dựng cơ bản tự làm		1.822.350.616
XDCB dở dang	2.478.964.561.345	1.317.636.646.741
<i>Dự án Bình Phước</i>	165.504.874.956	65.820.520.324
<i>Mỏ đá Vĩnh Tân</i>	23.404.342.207	22.081.170.466
<i>Dự án Hà Tiên 2.2</i>	2.259.086.743.035	1.228.192.526.880
<i>Các công trình khác</i>	30.968.601.147	1.542.429.071
Sửa chữa lớn tự làm	<u>1.686.197.848</u>	<u>11.276.785.636</u>
Cộng	<u>2.480.650.759.193</u>	<u>1.330.735.782.993</u>

12. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu:				
- Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng	700.000	14.000.000.000	700.000	14.000.000.000
- Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.100.000	<u>42.000.000.000</u>	2.100.000	<u>42.000.000.000</u>
Cộng		<u>56.000.000.000</u>		<u>56.000.000.000</u>

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn như sau:

	Số lượng	Mệnh giá	Tổng giá trị	Giá trị
			theo mệnh giá	đầu tư
Công ty Cổ phần Thạch cao xi măng	700.000	10.000	7.000.000.000	14.000.000.000
Công ty Cổ phần Cao su Bến Thành	2.100.000	10.000	21.000.000.000	42.000.000.000
Cộng			<u>28.000.000.000</u>	<u>56.000.000.000</u>

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Số dư đầu năm	(7.630.000.000)
Trích lập trong kỳ	(3.500.000.000)
Số cuối kỳ	<u>(11.130.000.000)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

14. Chi phí trả trước dài hạn	
Số đầu năm	210.040.259.091
Tăng trong kỳ	460.028.051
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong 3 tháng đầu năm	(8.767.000.091)
Số cuối kỳ	201.733.287.051

15. Tài sản dài hạn khác
Chủ yếu là khoản ký quỹ dài hạn.

16. Vay và nợ ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	850.793.897.652	505.582.299.098
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	326.413.239.485	785.328.958.484
Vay dài hạn đến hạn trả	239.655.515.850	547.883.564.000
Cộng	1.416.862.652.987	1.838.794.821.582

Các khoản vay trên để bổ sung vốn lưu động và không phải thế chấp.

17. Phải trả người bán		
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
TCT CN XM Việt Nam	147.637.303.197	88.961.422.461
Cty Xi Măng Bim Sơn	27.125.770.385	60.428.018.235
Cty Xi Măng Bút Sơn	52.329.181.735	42.765.169.835
Các nhà cung cấp khác	995.338.562.693	945.982.435.867
Cộng	1.222.430.818.010	1.138.137.046.398

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12.006.346.833	63.669.554.485	72.463.189.898	3.212.711.420
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	18.035.292.413	18.035.292.413	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	73.611.744	2.627.430.436	2.701.042.180	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.683.185.908	1.631.989.773	7.315.175.681	-
Thuế thu nhập cá nhân	750.711.028	4.832.598.316	5.583.309.344	-
Thuế tài nguyên	1.587.993.717	6.323.250.511	6.787.263.250	1.123.980.978
Tiền thuê đất, nhà đất	-	5.806.806.401	5.806.806.401	-
Các loại thuế khác	25.157.155	2.518.937.363	1.498.809.115	1.045.285.403
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	501.951.540	2.683.600.378	2.780.790.818	404.761.100
Cộng	20.628.957.925	108.129.460.076	122.971.679.100	5.786.738.901

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty phải nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho các sản phẩm và dịch vụ của Công ty là 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá, đất tại mỏ đá Vĩnh Tân và Kiên Lương với mức thuế suất là 7% dựa trên giá tính thuế và sản lượng khai thác.

Tiền thuê đất

Công ty phải nộp tiền thuê đất cho nhà máy, văn phòng tại TP. Hồ Chí Minh, Lâm Đồng và mỏ đá tại Vĩnh Tân, tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

19. Chi phí phải trả

Chủ yếu là trích trước chi phí lãi vay

20. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Phải trả Vận tải Hà Tiên	30.000.000.000	
Phải trả tổng công ty	122.273.385.176	31.580.748.625
Các khoản phải trả khác	87.676.431.143	15.776.296.618
Cộng	<u>239.949.816.319</u>	<u>47.357.045.243</u>

21. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Vay Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II ^(a)	527.257.359.278	509.818.262.727
Vay hợp vốn của 8 ngân hàng thương mại Nhà nước do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II làm đầu mối ^(b)	1.830.538.763.959	
Vay Ngân hàng Société Générale ^(c)	2.541.032.732.700	1.663.200.000.000
Vay Ngân hàng Công thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang ^(d)	894.869.098.583	2.312.697.151.767
Vay Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang ^(e)	290.837.145.462	700.318.070.958
Vay Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Kiên Giang ^(f)	266.206.315.028	198.800.248.221
Vay Ngân hàng Credit ^(g)	1.285.573.769.681	249.318.026.646
Tổ chức tín dụng khác	12.500.000.000	1.162.102.313.927
Cộng	<u>7.648.815.184.691</u>	<u>6.796.254.074.246</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Khoản vay thế chấp bằng tài sản của dự án Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam – Sở Giao dịch II TP. Hồ Chí Minh để tài trợ dự án trạm nghiền tại Quận 9 với lãi suất theo thị trường, thời hạn vay 10 năm.
- (b) Khoản vay thế chấp bằng tài sản của dự án, được tài trợ vốn vay hợp vốn của 8 Ngân hàng thương mại Nhà nước do Ngân hàng Đầu tư & Phát triển – Sở Giao dịch II làm đầu mối để tài trợ cho dự án Xi măng Bình Phước với khoản tín dụng tối đa là 2.580 tỷ VND, thời hạn vay 11 năm, lãi suất theo thị trường.
- (c) Khoản vay có bảo lãnh của Bộ Tài chính để tài trợ gói thiết bị số 1 Dự án Xi măng Bình Phước với hạn mức EUR 91.420.724 và USD 17.082.379, thời hạn vay 13 năm, lãi suất EURIBOR6M + 0,2%.
- (d) Khoản vay thế chấp bằng Quyền sử dụng đất thuê với diện tích 7.243.385 m², tài sản gắn liền trên đất tại Thị trấn Kiên Lương, Kiên Giang và tài sản hình thành từ vốn vay. Khoản vay dùng để tài trợ cho Dự án Hà tiên 2.2 và Dự án chuyển đổi nhiên liệu từ đốt dầu sang đốt than. Thời hạn vay là 10 năm, lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 2,6%/năm.
- (e) Khoản vay thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay dùng để tài trợ cho Dự án Hà tiên 2.2 với thời hạn vay là 9 năm, lãi suất là 8,4%/năm.
- (f) Khoản vay thế chấp bằng tài sản hình thành từ vốn vay dùng để tài trợ cho Dự án Trạm nghiền Long An với thời hạn vay là 6 năm, lãi suất là lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 2,76%/năm đối với tiền VND và lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng cộng 2,16%/năm đối với tiền USD.
- (g) Khoản vay tín chấp dùng để tài trợ cho Dự án Hà Tiên 2.2 với thời hạn vay là 10 năm, lãi suất EURIBOR thả nổi + 0,16%/năm hoặc + 1,53%/năm.

22. Vốn chủ sở hữu

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	1.334.188.240.000	1.334.188.240.000
Vốn góp của các cổ đông khác	645.811.760.000	645.811.760.000
Thặng dư vốn cổ phần	70.790.410.045	70.790.410.045
Cổ phiếu quỹ	(902.752.100)	(902.752.100)
Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.517.214.120	5.517.214.120
Cộng	<u>2.055.404.872.065</u>	<u>2.055.404.872.065</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	198.000.000	198.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	198.000.000	198.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	198.000.000	198.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	48.000	48.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu phổ thông	48.000	48.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	197.952.000	197.952.000
- Cổ phiếu phổ thông	197.952.000	197.952.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

Các quỹ

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Quỹ đầu tư phát triển	105.805.460.604	97.063.215.208
Quỹ dự phòng tài chính	37.186.381.320	31.401.970.440
Cộng	142.991.841.924	128.465.185.648

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Quý II năm 2011</u>	<u>Quý II năm 2010</u>
Tổng doanh thu	1.579.864.170.653	1.216.888.522.607
- Xi măng	1.538.364.451.441	1.166.484.483.872
- Vữa xi măng xây dựng, gạch các loại, cát ISO	6.470.253.647	7.327.703.709
- Clinker, vật liệu phụ, dịch vụ khác	35.029.465.565	43.076.335.026
Các khoản giảm trừ doanh thu:		
- Chiết khấu thương mại	95.085.883.605	18.395.493.900
Doanh thu thuần	1.484.778.287.048	1.198.493.028.707

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010
Giá vốn xi măng thành phẩm	962.469.249.214	916.491.996.511
Giá vốn vữa xi măng XD, gạch các loại, cát ISO	4.298.346.699	6.001.273.980
Giá vốn clinker, vật liệu, dịch vụ	80.522.873.002	41.448.442.838
Cộng	1.047.290.468.915	963.941.713.329

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.739.593.475	991.429.054
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	1.276.488.468	51.979.455.486
Thu nhập tài chính khác	2.062.806.440	2.175.932.916
Cộng	5.078.888.383	55.146.817.456

4. Chi phí tài chính

	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010
Chi phí lãi vay	193.145.682.766	77.939.059.225
Chiết khấu thanh toán	24.732.958.192	1.261.432.265
Lỗ chênh lệch tỷ giá	25.921.121.428	9.149.442.423
Dự phòng giảm giá chứng khoán	2.750.974.000	(728.365.400)
Chi phí tài chính khác	2.676.666.667	
Cộng	249.227.403.053	87.621.568.513

5. Chi phí bán hàng

	Quý II năm 2011	Quý II năm 2010
Chi phí nhân viên	7.091.605.423	7.298.917.439
Chi phí NVL, DC đồ dùng	640.096.180	425.810.940
Chi phí khấu hao TSCĐ	463.762.761	397.919.728
Chi phí dịch vụ mua ngoài	615.569.492	8.776.021.127
Chi phí KM, QC và bằng tiền khác	89.688.447.867	22.759.726.983
Cộng	98.499.481.723	39.658.396.217

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý II năm 2011</u>	<u>Quý II năm 2010</u>
Chi phí nhân viên	6.383.335.419	21.573.284.386
Chi phí vật liệu quản lý	768.243.211	2.208.009.643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.292.201.720	3.051.963.967
Thuế, phí và lệ phí	3.349.847.220	4.448.853.302
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.579.945.311	3.048.829.347
Chi phí bằng tiền khác	21.431.911.249	20.139.565.821
Cộng	<u>34.805.484.130</u>	<u>54.470.506.466</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Quý II năm 2011</u>	<u>Quý II năm 2010</u>
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	180.291.497	
Thu nhập khác	6.716.734.244	804.394.394
Cộng	<u>6.897.025.741</u>	<u>804.394.394</u>

8. Chi Phí khác

	<u>Quý II năm 2011</u>	<u>Quý II năm 2010</u>
Chi phí khác	10.299.030.878	3.267.884.027
Cộng	<u>10.299.030.878</u>	<u>3.267.884.027</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Địa chỉ: 360 Bến Chương Dương, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ II

Quý II của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty gồm: Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam (các thành viên quản lý chủ chốt của Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam cũng đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty) và các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

Công ty Cổ phần Bao bì xi măng Hải Phòng	2.200.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải Hà Tiên	23.694.578
Công nợ phải thu	2.223.694.578
Tổng công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	298.124.287.762
Công ty CP Vật Tư Vận Tải Xi Măng	19.778.678.456
Công ty CP Bao bì Hà Tiên	26.264.067.269
Công ty CP Vận tải Hà Tiên	15.508.419.191
Công ty CP Thạch Cao Xi Măng	76.300.372.113
XN Sản xuất vỏ bao Đà Nẵng	5.199.763.181
Công ty CP Bao bì xi măng Hải Phòng	11.163.000.000
Công ty CP xi măng Bim Sơn	27.125.770.385
Công ty CP xi măng Bút Sơn	52.329.181.735
Công nợ phải trả	531.793.540.092
Tổng công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	304.475.734.407
Công ty Tài Chính Cổ Phần Xi măng	21.937.505.078
Tổng cộng vay ngắn hạn	326.413.239.485

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 07 năm 2011

Trương Thị Thu Hương
Người lập biểu

Lê Thị Phương Dung
PT. Phòng Tài chính kế toán



Võ Văn Vân
Người CBTT